

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ XANH TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÙI THỊ THÙY NHÌ*

Kinh tế xanh đang trở thành mô hình chủ đạo, định hướng sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu cũng như của Việt Nam trong thế kỷ XXI. Trước những nguy cơ ngày càng gia tăng của biến đổi khí hậu, Việt Nam đã sớm nhận thức được cả những rủi ro và lợi ích chiến lược từ việc đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu. Bài viết phân tích thực trạng quản lý nhà nước về kinh tế xanh tại Việt Nam và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Từ khóa: Quản lý nhà nước; kinh tế xanh; phát triển bền vững; tài chính xanh; tăng trưởng xanh.

The green economy is emerging as a leading model guiding the development of both the global and Vietnam's economy in the 21st century. In response to the growing threats of climate change, Vietnam has recognized both the strategic risks and opportunities associated with transforming its growth model to align with climate change adaptation and mitigation. This article explores the current state of green economy management in Vietnam and proposes several solutions to enhance management effectiveness, thereby contributing to the achievement of sustainable development goals.

Keywords: State management; green economy; sustainable development; green finance; green growth.

NGÀY NHẬN: 11/3/2025 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 26/4/2025 NGÀY DUYỆT: 10/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.353.2025.1197>

1. Đặt vấn đề

Tại COP26 diễn ra ở Glasgow, Việt Nam đã tuyên bố và cam kết đầy tham vọng, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, bao gồm mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng 0 đến năm 2050, tham gia cam kết toàn cầu cắt giảm 30% lượng khí mê-tan gây hiệu ứng nhà kính vào năm 2030 và cam kết ngăn chặn, đảo ngược tình trạng mất rừng và suy thoái đất vào năm 2030. Việt Nam đã thông qua và tiếp tục ban hành các chính sách và kế hoạch chiến lược để thúc đẩy các hành động ứng

phó với biến đổi khí hậu, trong đó có Chiến lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030. Như vậy, kinh tế xanh, tăng trưởng xanh là xu hướng tất yếu không thể đảo ngược và đã đến giai đoạn cần hành động mạnh mẽ, hiệu quả để hiện thực hóa những tuyên bố, cam kết và chủ trương đó. Bài viết nghiên cứu về thực trạng quản lý nhà nước (QLNN) đối với kinh tế xanh ở Việt Nam và đề xuất một số giải pháp chính sách

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi xanh, góp phần thực hiện hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh ở Việt Nam.

2. Kinh tế xanh và quản lý nhà nước về kinh tế xanh ở Việt Nam

Trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, kinh tế xanh được hiểu là “nền kinh tế xanh, đó là một nền kinh tế tạo ra, phân phối sản phẩm và dịch vụ thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo, giao thông và nhiên liệu sạch và công trình xanh, giảm mức tiêu thụ năng lượng, nguyên liệu, nước thông qua chiến lược hiệu quả năng lượng và tài nguyên, và chuyển đổi từ các cấu phần các bon sang không các bon”. Bước sang giai đoạn 2021 - 2023, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn mới đã thay đổi cách tiếp cận đến kinh tế xanh trên khía cạnh toàn diện và bao trùm hơn. Đó là “nền kinh tế tăng trưởng thông minh, bền vững và bao trùm”. Khái niệm này được xây dựng dựa trên quan niệm về kinh tế xanh của Ủy ban châu Âu, thể hiện được độ bao phủ về các chiều cạnh và lĩnh vực (bền vững và bao trùm) và xu hướng mới về ứng dụng những thành tựu mới của khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Như vậy, kinh tế xanh được hiểu là sự kết hợp giữa ba yếu tố: *kinh tế, môi trường và xã hội*. Ngày nay, kinh tế xanh là một hướng phát triển rất cần thiết của các quốc gia, bởi nó tạo ra việc làm, bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững, đồng thời ngăn chặn ô nhiễm môi trường, nóng lên toàn cầu, cạn kiệt nguồn tài nguyên và suy thoái môi trường.

Trong kinh tế xanh, Nhà nước và doanh nghiệp phải tập trung ưu tiên đầu tư vào các hoạt động kinh tế, cơ sở hạ tầng, công trình có tác dụng bảo đảm mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm và phát thải các bon; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng; ngăn ngừa mất đa dạng sinh học và các dịch vụ của hệ sinh thái.

Từ khái niệm kinh tế xanh có thể thấy, nội dung QLNN về kinh tế xanh, như sau: đó là sự

tác động của Nhà nước (các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương) đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế thông qua hệ thống các công cụ QLNN, như: luật pháp, chính sách, kế hoạch và các công cụ đòn bẩy... hướng đến mục tiêu thúc đẩy phát triển nền kinh tế xanh.

3. Thực trạng quản lý nhà nước về kinh tế xanh ở Việt Nam

Thứ nhất, xây dựng và ban hành khung khổ pháp lý, chiến lược, kế hoạch định hướng phát triển kinh tế xanh.

Việt Nam đã tiếp cận đến quan niệm tăng trưởng xanh từ khá sớm. Ngày 25/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050. Đây là chiến lược quốc gia đầu tiên, toàn diện về lĩnh vực phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam. Tiếp sau đó, nhiều chương trình, kế hoạch hành động và văn bản chỉ đạo được ban hành, như các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; Quyết định số 1474/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020 nhằm hiện thực hóa các nhiệm vụ của Chiến lược; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên, trong giai đoạn này mới chỉ là giai đoạn khởi động, chủ yếu nhằm mục đích nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh mà chưa có tổng kết về kết quả thực hiện trên thực tiễn.

Với chủ trương của Đảng, nối tiếp giai đoạn 10 năm (2011 - 2020), giai đoạn 10 năm tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 với

những mục tiêu được lượng hóa cụ thể hơn, nhanh hơn và cao hơn so với Chiến lược giai đoạn trước. Cụ thể như sau: đến năm 2030, giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP ít nhất 15%; đến năm 2050 giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP ít nhất là 30% so với năm 2014 cũng như các chỉ tiêu cụ thể về xanh hóa các ngành kinh tế, xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Hệ thống kế hoạch hóa định hướng phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam (*xem sơ đồ cuối bài*):

Thứ hai, tổ chức bộ máy QLNN về phát triển kinh tế xanh.

Hiện nay, chưa có văn bản pháp lý nào quy định về bộ máy QLNN đối với phát triển kinh tế xanh. Tuy nhiên, trong các bản chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh 2011 - 2020 và 2021 - 2030 đều đề cập vai trò và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc quản lý, giám sát và thúc đẩy kinh tế xanh, như: giai đoạn 2011 - 2020, bộ máy chỉ đạo, điều hành thực hiện Chiến lược là Ban điều phối triển khai Chiến lược Tăng trưởng xanh trực thuộc Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu; giai đoạn 2021 - 2030, thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia (thay cho Ban điều phối quốc gia) về tăng trưởng xanh để chỉ đạo triển khai chiến lược. Ngày 05/9/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1044/QĐ-TTg thành lập Ban Chỉ đạo Quốc gia về tăng trưởng xanh với chức năng nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành về tăng trưởng xanh và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.

Thứ ba, ban hành và thực thi các chính sách phát triển kinh tế xanh.

Hiện nay, ở Việt Nam, đã có nhiều chính sách được ban hành hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh, có thể điểm lại một số chính sách nổi bật sau:

(1) Chính sách thuế bảo vệ môi trường: hệ thống chính sách thuế hướng tới phát triển bền vững, phát triển kinh tế xanh được thể hiện thông qua 2 nhóm: (1) Các chính sách thuế hạn chế các hành vi gây ô nhiễm môi

trường; (2) Các chính sách thuế hỗ trợ, khuyến khích các hoạt động bảo vệ môi trường, tạo động lực thúc đẩy sản xuất xanh và tiêu dùng xanh. Các loại thuế hiện hành nhằm mục đích hạn chế các hành vi gây ô nhiễm môi trường, bao gồm: thuế bảo vệ môi trường, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế suất thuế nhập khẩu cao.

Cùng với đó, áp dụng phí bảo vệ môi trường với khí thải, nước thải, khai thác khoáng sản, vừa góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách, vừa hạn chế chất thải gây ô nhiễm môi trường... Bên cạnh các chính sách thuế nhằm hạn chế các hành vi gây ô nhiễm môi trường (nhóm 1), nhiều chính sách thuế ưu đãi trong việc bảo vệ môi trường cũng được xây dựng, như: miễn thuế đối với thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế tối đa không quá 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tối đa không quá 9 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường; ưu đãi thuế suất đối với những sản phẩm thân thiện môi trường, như: xăng sinh học, xe ô tô thân thiện với môi trường...

(2) Chính sách ưu tiên chi ngân sách nhà nước cho tăng trưởng xanh: Chính phủ ban hành nhiều chính sách ưu tiên chi ngân sách nhà nước cho tăng trưởng xanh, như: Nghị định số 163/2016/NĐ-CP; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2017/TT-BTC; Thông tư số 342/2016/TT-BTC; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường...

Đối với đầu tư công, ngân sách cho tăng trưởng xanh đã được lồng ghép trong các ưu tiên đầu tư ngành, lĩnh vực, địa phương và tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 quy định về các nguyên tắc, tiêu chí

và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

Chính phủ dành ngân sách nhà nước để chi cho: (1) Sự nghiệp môi trường với mức kinh phí không thấp hơn 1% tổng chi cân đối của ngân sách nhà nước trong dự toán ngân sách nhằm hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án; thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường quốc gia; xây dựng và ban hành tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường...; (2) Các chương trình môi trường quốc gia như Chương trình 327 trồng lại rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc hay Chương trình 5 triệu ha rừng, chi ngân sách nhà nước cho giảm nghèo, nước sạch và hợp vệ sinh.

Thứ tư, chính sách tín dụng xanh.

Được thực hiện thông qua việc cho vay hỗ trợ lãi suất đối với các dự án bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và công nghệ sạch. Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam cho vay với lãi suất ưu đãi không quá 50% lãi suất cho vay thương mại đối với các dự án đầu tư bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Nhà nước cho vay ưu đãi với lãi suất bằng mức lãi suất bình quân gia quyền của các mức lãi suất trúng thầu trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam được Chính phủ bảo lãnh kỳ hạn 5 năm trong thời gian 1 năm trước thời điểm công bố lãi suất cộng với tỷ lệ chi phí quản lý hoạt động và dự phòng rủi ro của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong thời hạn không quá 12 năm (không quá 15 năm đối với các dự án nhóm A) đối với các dự án đầu tư sản xuất phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng; nâng cấp dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng; đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch; đầu tư phát triển xe buýt sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường.

Thứ năm, chính sách phát triển thị trường vốn xanh.

Trong đó có các sản phẩm: trái phiếu xanh, trái phiếu chính phủ và trái phiếu chính

quyền địa phương phục vụ cho các mục tiêu, chương trình, dự án xanh; các chỉ số xanh, chỉ số bền vững, chỉ số carbon; các chứng chỉ, chứng chỉ đầu tư xanh của các quỹ đầu tư phát hành. Ngay từ năm 2015, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã xây dựng Đề án phát triển thị trường trái phiếu xanh làm căn cứ cho việc triển khai thí điểm trái phiếu xanh năm 2016 áp dụng cho trái phiếu của TP. Hồ Chí Minh và Bà Rịa - Vũng Tàu. Đến nay, TP. Hồ Chí Minh đã phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu chính quyền địa phương xanh cho 34 dự án, trong đó lập danh mục 11 dự án xanh dựa trên “Danh mục dự án xanh” do Ngân hàng Nhà nước ban hành. Bà Rịa - Vũng Tàu đã chuẩn bị cho đợt phát hành trái phiếu xanh đầu tiên 500 tỷ đồng cho 8 dự án xanh¹. Bên cạnh đó, HNX cũng đã tổ chức nhiều phiên đấu thầu trái phiếu chính phủ để đầu tư cho các dự án xanh, như: dự án sản xuất pin mặt trời, điện gió, thủy lợi hoặc đầu tư cho du lịch bền vững. TP. Hồ Chí Minh đang tiến hành xây dựng các chỉ số bền vững môi trường - xã hội - quản trị (ESG); phối hợp với GIZ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nghiên cứu và triển khai Chỉ số phát triển bền vững (VNSI) nhằm nâng cao nhận thức đầu tư và phát triển bền vững, nâng cao các tiêu chuẩn niềm yết, tạo chuẩn mực cho sự minh bạch của công ty và thị trường, tạo thêm các sản phẩm mới cho thị trường.

Ngoài ra, các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh việc huy động nguồn lực tài chính từ các tổ chức nước ngoài cho tăng trưởng xanh. Vương quốc Bỉ tài trợ 5 triệu EUR cho Dự án Quỹ hỗ trợ tăng trưởng xanh và 25 triệu EUR cho Dự án Quản lý nguồn nước và Phát triển đô thị trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu tại 3 tỉnh: Hà Tĩnh, Bình Thuận, Ninh Thuận. Cơ quan Quốc tế Hàn Quốc (KOICA) hỗ trợ khoảng 2 triệu USD cho Dự án “Chiến lược Tăng trưởng xanh ở Việt Nam” từ năm 2013 - 2014... Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ 4,128 triệu USD cho Dự án “Hỗ trợ tăng cường năng lực và đổi mới thể

chế thực hiện tăng trưởng xanh và phát triển bền vững”².

Như vậy, hệ thống chính sách công đã và đang được xây dựng sẽ góp phần tạo khuôn khổ chính sách cho tăng trưởng xanh, góp phần thực hiện các mục tiêu liên quan đến phát triển kinh tế xanh, kinh tế bền vững. Tuy nhiên, quá trình triển khai và thực thi chính sách vẫn còn nhiều bất cập.

Một là, đối tượng chịu thuế trong chính sách thuế chưa đầy đủ và không công bằng. *Luật Thuế bảo vệ môi trường* năm 2010 đã nêu 8 nhóm đối tượng phải chịu thuế môi trường, bao gồm: xăng dầu, mỡ nhờn; than đá; túi ni lông; thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng... Tuy nhiên, trên thực tế còn có nhiều sản phẩm, hàng hóa mà việc sử dụng có khả năng gây ô nhiễm môi trường nhưng lại chưa đưa được vào diện điều chỉnh của *Luật* này. Ví dụ: khí thải công nghiệp, thuốc lá, chất thải phóng xạ, một số những chất gây độc hại: các loại hóa chất (gồm cả axit vô cơ, xút, hóa chất bảo vệ thực vật, dung môi hữu cơ, thủy ngân...); đồ điện tử (phát sinh chất thải điện tử); cao su (săm, lốp,...); polime...

Hai là, mức thuế bảo vệ môi trường chưa tương xứng với lượng gây ô nhiễm của các đối tượng chịu thuế. Trong tổng phát thải CO₂ do tất cả các hoạt động đốt nhiên liệu của Việt Nam trong các năm, than đá chiếm 60%, xăng dầu chiếm 28% và khí thiên nhiên chiếm 12%; có nghĩa than đá mới chính là nguồn phát thải gây ô nhiễm chi phối tại Việt Nam, chứ không phải xăng dầu. Trong khi đó, thu thuế bảo vệ môi trường từ xăng dầu chiếm gần 97,9% tổng thu, than đá chỉ đóng góp gần 2%. Thuế suất bảo vệ môi trường của xăng cao gấp 156 lần so với than đá và của dầu diesel cao gấp 68 lần so với than đá. Do vậy, không có sự công bằng về thuế khi xăng dầu chỉ đóng góp 28% lượng phát thải, nhưng phải đóng góp đến 97,9% thuế bảo vệ môi trường³.

Ba là, hiệu quả của chính sách thuế bảo vệ môi trường chưa thực sự phù hợp với mục tiêu môi trường. Việc áp dụng các chính sách thuế bảo vệ môi trường đến nay đã khá lâu,

đặc biệt như *Luật Thuế bảo vệ môi trường*. Tuy nhiên, với hiện trạng chất lượng môi trường ngày càng suy thoái nghiêm trọng, có thể thấy, hiệu quả của chính sách thuế bảo vệ môi trường đã hạn chế việc sử dụng hàng hóa gây ô nhiễm, khuyến khích sử dụng sản phẩm thay thế và thân thiện với môi trường xanh.

3. Giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế xanh

Thứ nhất, các chính sách về môi trường cần được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới; hệ thống thuế tài nguyên, thuế môi trường cần được tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh và hoàn thiện... Trong đó, đánh giá đúng mức nguy cơ, tác động của ô nhiễm môi trường và khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên thông qua cơ chế như thuế, nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phục hồi tài nguyên và hệ sinh thái.

Thứ hai, hoàn thiện khung chính sách ưu đãi để khuyến khích các doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ lạc hậu, không thân thiện với môi trường chuyển đổi sang công nghệ tiên tiến, góp phần nâng cao năng suất sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu, đáp ứng tiêu chuẩn của nền kinh tế xanh. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ, từ đó, thiết lập cơ sở lý luận, khoa học và thực tiễn để xây dựng cơ chế, chính sách, các giải pháp quản lý, đóng góp tích cực vào việc dự báo, phòng ngừa, cải tạo, phục hồi, xử lý ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học. Các ưu đãi về thuế, tín dụng cần được tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nhằm khuyến khích hỗ trợ các ngành sản xuất - kinh doanh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến để sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả hơn, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thứ ba, đổi mới tư duy trong nhận thức về bảo vệ môi trường (cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp...) với cách làm, hành vi ứng xử, ý thức trách nhiệm với thiên nhiên, môi trường. Đồng thời, tuyên truyền, giáo dục về môi trường là việc làm trọng yếu, từ đó có

những hành động thiết thực trong công tác phục hồi hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống biến đổi khí hậu... Tăng cường tổ chức các diễn đàn, hội thảo, tọa đàm về tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, phát triển xanh và bền vững.

Thứ tư, tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, tăng cường thu hút mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế, trong đó tập trung huy động nguồn vốn nước ngoài. Tuy nhiên, cần xây dựng tiêu chí chặt chẽ để lựa chọn những dự án đầu tư thực sự có hiệu quả trong phát triển kinh tế xanh, bảo đảm yếu tố bảo vệ môi trường. Tạo điều kiện thuận lợi cho những dự án đầu tư quy mô lớn, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị; cũng như học tập kinh nghiệm phát triển xanh của các quốc gia tiên tiến để áp dụng vào Việt Nam.

Thứ năm, đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho tăng trưởng xanh. Theo đó, cần tăng cường thu hút và sử dụng các nguồn lực cho tăng trưởng xanh, đặc biệt là thu hút nguồn lực từ bên ngoài như nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các dự án phi chính phủ cho tăng trưởng xanh, đầu tư tư nhân. Đồng thời, đầu tư theo mô hình hợp tác công - tư cần được tăng cường. Tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường tài chính xanh - kênh huy động vốn xanh quan trọng cho doanh nghiệp và cả nền kinh tế, do đó cần phải: (1) Thiết lập một khung

chính sách ổn định với những cam kết rõ ràng nhằm thúc đẩy hình thành và phát triển các sản phẩm tài chính mới để hỗ trợ ngành công nghiệp xanh; (2) Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào các hoạt động kinh doanh và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường; (3) Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng cũng như kiện toàn về mặt pháp lý theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, chú trọng cơ chế giám sát, kiểm soát rủi ro hiệu quả, phối kết hợp giữa các bên có liên quan nhằm bảo vệ tối đa lợi ích của các nhà đầu tư, doanh nghiệp □

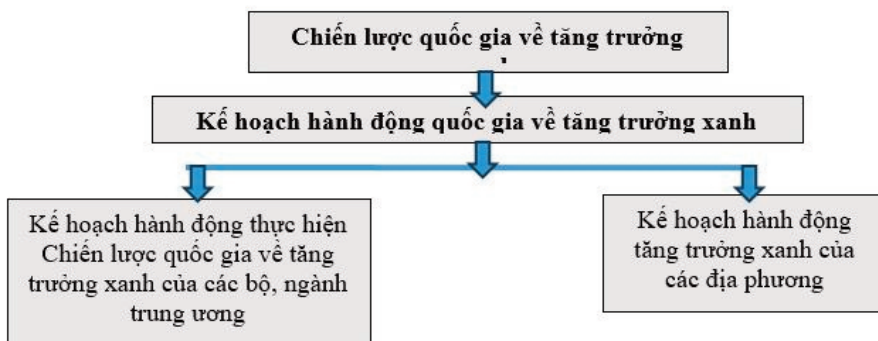
Chú thích:

1. *Giải pháp thúc đẩy trái phiếu xanh tại Việt Nam*. <https://tapchimoitruong.vn>, ngày 31/5/2018.
2. *Chính sách tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng giải pháp*. <https://mof.gov.vn>, ngày 15/6/2018.
3. *Phí khí thải và thuế bảo vệ môi trường: Những điều không ổn*. <https://cuoituan.tuotitre.vn>, ngày 09/3/2019.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Mạnh Hải (2016). *Chính sách tài chính thúc đẩy kinh tế xanh ở Việt Nam*. Tạp chí Quản lý Kinh tế số 74 (số 1+2/2016).
2. Nguyễn Thị Thanh Thương (2023). *Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam”.
3. *Xanh hóa nền kinh tế: Nền tảng cho phát triển bền vững*. <http://tinnhanhchungkhoan.vn>, ngày 20/02/2018.

Sơ đồ hệ thống hóa định hướng phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam



Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2024